

KHÁI LƯỢC VỀ ĐẠO GIÁO VÀ QUÁN ĐẠO GIÁO Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo kỳ trước)

TS. NGUYỄN THẾ HÙNG*

Vào thế kỷ 15, nhìn tổng quát, chính sách của nhà Lê Sơ phần nào đã cản trở sự phát triển của Phật giáo và Đạo giáo. Tuy vậy, ở đầu thời Lê Sơ, lại có nhiều quán được tu bổ, xây dựng. Chẳng hạn, dưới niên hiệu Thiệu Bình thuộc đời vua Lê Thái Tông, nhiều quán Đạo được xây mới như quán Huyền Thiên (Hà Nội)⁴⁹. Đặc biệt chúng ta còn biết bộ ván in kinh Đạo giáo sớm nhất hiện còn, được khắc vào khoảng năm 1434- 1443 ở quán Linh Tiên (Hà Nội)⁵⁰. Các Đạo sĩ chắc hẳn vẫn còn đông đảo. Khi nghiên cứu các tấm ván in kinh này, GS. Nguyễn Tài Căn cũng đã cho biết trên ván in kinh có ghi tên của người đã đóng góp cho việc “giúp quán khắc ván in kinh”⁵¹.

Thế nhưng, chỉ sau đó chừng vài chục năm, vua Lê Thánh Tông đã ban hành nhiều điều luật liên quan đến hoạt động của Đạo giáo. Ngay khi mới lên ngôi vua, Lê Thánh Tông đã “Ra sắc chỉ cho các xứ, phủ, lộ rằng: Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được được làm mới”⁵². *Luật Hồng Đức* sau này cũng có quy định ít nhiều hạn chế sự phát triển đó, tuy nhiên cũng không hẳn có vấn đề đối lập gây gắt giữa Nho giáo với Phật giáo và Đạo giáo, do đó không có những xung đột giữa Đạo giáo với các tôn giáo khác như ở Trung Quốc⁵³. Điều 215 trong *Luật Hồng Đức* quy định “Những người đem sách Phật, Lão khắc in để bán lấy tiền của

dân, làm rối loạn lòng dân, thì bị tội đồ; các quan sở tại thấy mà không bắt và tâu lên thì bị biếm. Nếu đã tâu lên và được phép ấn hành thì không phải tội”⁵⁴. Hoặc việc tự tiện xây chùa quán, đúc tượng riêng bị xử phạt (Điều 289), việc sư sai, Đạo sĩ đến trú ngụ ở chùa quán hay nhà dân quá 5 ngày mà không trình báo cũng bị xử phạt (Điều 301). Những chuyện về số mệnh, về điềm lành hoặc gở hoặc truyện quỷ thần, làm bùa chú đều bị trừng trị. “Nhưng trên thực tế thì nhà vua chẳng thù địch gì lắm đối với Đạo giáo”⁵⁵. Tuy nhiên, cũng hết sức thú vị, khi Điều 433 qui định “Kẻ lấy trộm và phá những tượng thần Thiên tôn đều phải tội như tội ăn trộm tượng Phật...”⁵⁶. Phải chăng, ở thời điểm này đã có sự thay đổi thứ bậc của Phật, Nho và Đạo. Hay nói cách khác, thứ tự có thể hiểu là Nho rồi đến Phật và sau cùng là Đạo. Đạo giáo đã không còn giữ được ảnh hưởng của nó trong xã hội, nhất là đối với tầng lớp thống trị như các thời kỳ trước. Vua Lê Thánh Tông có làm một bài thơ vịnh giới Đạo sĩ khắc in trong tập *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn*. Lời thơ mỉa mai cho thấy, ảnh hưởng của Đạo giáo trong giới “quí tộc” Lê Sơ đã sút kém rất nhiều. Tuy nhiên, những câu chuyện vua Lê Thánh Tông đi chơi gặp tiên nữ gần chùa Ngọc Hồ và cho xây Vọng Tiên lâu, rồi chuyện vua trước khi đi đánh Chiêm Thành được Trần Tú Uyên phù trợ thắng giặc nên đã phong Trần Tú Uyên làm “An Quốc chân nhân” và quán Bích Câu là “An Quốc tự”,

* CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

rồi trong sách *Thánh Tông di thảo* có nhiều màu sắc Đạo giáo, cho thấy Đạo giáo vẫn còn có vai trò nhất định ở thời Lê Sơ. Việc hạn chế Đạo giáo không kéo dài được lâu “*Vua nhỏ đi chùa gặp tiên*”⁵⁷, phải chăng để chỉ một trạng thái dung hợp của các tôn giáo ở thời Lê sơ hay chỉ là câu chuyện do những người theo Đạo giáo đặt ra như là một phương cách để phản kháng những áp đặt độc tôn Nho giáo.

Bước sang thế kỷ 16, những cuộc khủng hoảng chính trị tư tưởng đã đẩy một bộ phận lớn giới trí thức, nho sĩ vào chỗ bế tắc. Nho và Phật vốn được coi là hai hệ tư tưởng chính thống vẫn không đủ cứu cánh cho các trí thức đương thời. Sau khi nhà Mạc lấy ngôi từ nhà Lê, một bộ phận lớn quan lại và trí thức đã tìm tới tư tưởng Lão- Trang, tới Đạo giáo và mong rằng có một sự kết hợp tốt đẹp giữa các hệ tư tưởng này. Điều này đã được thiền sư Hương Hải, một đệ tử của Phật giáo, thể hiện tình trạng vừa nêu qua bài thơ *Sự lý dung thông*⁵⁸:

“Trong nơi danh giáo có ba
Nho hay giúp nước sửa nhà trị dân.
Đạo thì dưỡng khí an thần,
Thuốc trừ tà bệnh, ân cần luyện đơn.
Thích độ nhân khỏi tam đồ khổ
Thoát cứu huyền thất tổ siêu phương”.

Một số trí thức lớn như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hàng, Phùng Khắc Khoan đều chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng Lão- Trang và Đạo giáo. Sấm Trạng Trình là một biểu hiện rõ yếu tố Đạo. Nguyễn Dữ với *Truyện Kỳ mạn lục* phản ánh những ảnh hưởng của Đạo giáo phủ thủy. Khuynh hướng kết hợp Nho với Lão- Trang, Nho với Đạo giáo hoặc thuần Lão- Trang được thể hiện rõ trong tư tưởng của tầng lớp thống trị và trí thức đương thời⁵⁹.

Vào giai đoạn cuối thế kỷ 16, tầng lớp quý tộc nhà Mạc rất chú ý tới việc xây dựng, sửa chữa các quán Đạo giáo. Ngày nay, người ta còn thấy rất nhiều vết tích vật chất có niên đại thế kỷ 16 và 17 ở nhiều quán Đạo. Đặc biệt hơn, các văn bia ở các quán được tu tạo, khi nói về việc này, thường bao giờ cũng nêu sự bảo trợ của một vị “*quí tộc*” nhà Mạc nào đó.

Trong thế kỷ 16 này, chúng ta biết có ít nhất 8 quán Đạo được tu sửa hoặc làm mới. Đó là quán Thụy Ứng (Hưng Yên)- năm 1562, Chân Thánh (Hưng Yên)- năm 1566 và 1591, quán

Linh Tiên (Hà Nội)- năm 1584, quán Tiên Phúc (Hải Dương)- năm 1589, quán Viên Dương (Hà Nội)- năm 1589, quán Hội Linh (Hà Nội)- năm 1590, quán Đế Thích (Hưng Yên)- năm 1590 và quán Hưng Thánh (Hà Nội)- cuối thế kỷ 16. Các ngôi quán này đều còn văn bia (trừ quán Hưng Thánh) ghi nhận. Xin đơn cử vài ví dụ⁶⁰:

Quán Linh Tiên (trước thuộc Đan Phượng, nay thuộc huyện Hoài Đức, Hà Nội) có bia dựng năm 1586, đời Mạc Mậu Hợp, cho biết khá cụ thể về lịch sử quán này⁶¹.

Quán Chân Thánh (Mĩ Văn, Hưng Yên) có 2 bia thời Mạc, vào năm Sùng Khang 2 (1567) và năm Hồng Ninh 1 (1591) cho biết, quán này đã có từ trước, nhưng bị hư hỏng, đến năm 1566 xây dựng lại, tô 3 pho tượng sơn son thiếp vàng⁶².

Quán Thụy Ứng (Phù Cừ, Hưng Yên) có văn bia khắc năm Thuận Phúc 1 (1562) đời Mạc cho biết, quán này thường được dùng làm nơi cử hành lễ cầu đảo, rất linh ứng, nên có tên như vậy⁶³.

Quán Viên Dương (trước thuộc Đan Phượng, nay thuộc Hoài Đức, Hà Nội) có 2 bia hiện còn 1, khắc năm Hưng Trị 2 (1589) đời Mạc Mậu Hợp và năm Quang Hưng 16 (1593) đời vua Lê Thế Tông cho biết, các thiện tín đã công đức sửa thượng điện, tô tượng Phật, làm nhà hậu đường và mua 3 thửa ruộng làm cửa Tam bảo⁶⁴.

Thêm nữa, người ta cũng thấy sự kết hợp giữa Đạo giáo và Phật giáo ở nhiều di tích. Phải chăng đây là một xu hướng tư tưởng chủ đạo của giai đoạn này. Chuyện đọc chú, vẽ bùa, mê hoặc đồng cốt, giả quỷ thần lại trở nên phổ biến⁶⁵.

Thế kỷ 17, 18 cũng có khá nhiều ngôi quán được trùng tu và xây mới mà tư liệu văn bia thời kì này phản ánh khá sinh động.

Văn bia quán Thiên Tôn (Hưng Nguyên, Nghệ An) khắc năm Hoàng Định 15 (1615) cho biết, Hoa Quận công cùng vợ đứng ra trùng tu quán này, làm mới hai bên hành lang, tô thượng Phật. Một văn bia khác cũng ở quán này khắc năm Vĩnh Tộ 9 (1627) ghi việc trùng tu gác chuông, cung Tam Thánh, quán Thiên Tôn⁶⁶.

Quán Chân Vũ hay Trấn Vũ (Hà Nội) có một số văn bia được dựng vào thời Lê và Nguyễn cho biết, quán thờ Huyền Thiên Đại Đế được xây dựng từ thời Lý, đến niên hiệu Vĩnh Trị đời

Lê thì đúc tượng đồng. Năm Đức Long 5 (1633) khắc lại mười lăm thiên kinh như *Tử đồng đế quân, Thái Thượng thuyết cảm ứng, Vũ Dương sơn thủy huấn...*⁶⁷. Về tên quán, *Đại Nam nhất thống chí* ghi: "Nguyên tên quán là Trấn Vũ, bản triều năm Minh Mệnh thứ 2, vua Bắc tuần cho 50 lạng bạc; năm thứ 21 đổi tên hiện nay..."⁶⁸. Tên hiện nay theo *Đại Nam nhất thống chí* tức là quán Chân Vũ.

Quán Huyền Thiên (quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) có khá nhiều văn bia, bia sớm nhất vào năm Vĩnh Tộ 1 (1619) và năm Cảnh Trị 6 (1668). Văn bia ở đây cho biết, quán này được xây dựng khá quy mô dưới niên hiệu Thiệu Bình thời Lê Thái Tông, sau được làm mới vào thời Lê-Trịnh do các cung tần phủ chúa Trịnh hưng công⁶⁹.

Quán Lâm Dương (trước thuộc Thanh Oai, nay thuộc Hà Đông, Hà Nội) có bài văn bia khắc năm Vĩnh Tộ 10 (1628) cho biết, vị Nam thiên Trúc quốc Sa di Đầu Đà tôn giả, Cao tăng Hoà thượng tự là Pháp Tín, hiệu Đại Đức thiền sư hưng công tu bổ quán, xây mới toà thượng điện, tiền đường, thiêu hương, hậu đường, tả hữu hành lang, tô tượng Phật, khắc bia.

Như vậy, đã có khá nhiều ngôi quán được dựng từ thời Lý đến thời Lê sơ, song hầu như đều bị hư hại, trải đến đời Mạc các quán này được tu bổ lại và làm mới. Phải chăng, trong lịch sử tồn tại của Đạo giáo ở Việt, cho đến thời kỳ này, có thể thấy rõ tính chất "nguyên gốc" của nó, chưa thấy nhiều yếu tố bản địa hóa như ở thời kỳ sau, bắt đầu từ việc thờ cúng Mẫu Liễu, Tam tòa Tứ phủ và Nội Đạo tràng ra đời? Chúng tôi nghĩ nhiều đến khả năng này. Nói cách khác, nếu ta phân lịch sử Đạo giáo thành hai thời kỳ lớn thì thời kỳ đầu, khoảng từ thế kỷ 2 cho đến thế kỷ 15, là thời kỳ của Đạo giáo ở đất Việt, hay chúng tôi tạm gọi là Đạo giáo chính thống, còn thời kỳ từ thế kỷ 16 trở về sau, đã xuất hiện loại Đạo giáo Việt, đúng hơn là Đạo giáo Việt, với khuynh hướng căn bản là sự kết hợp giữa những phả hệ thần linh Đạo giáo kiểu mô hình Trung Quốc với những thần linh- thần tiên nội địa, kết hợp giữa những phương pháp tu tập Đạo giáo với những phương pháp ma thuật, bùa phép địa phương mà ta có thể thấy khá nhiều trong những ghi chép của thư tịch cũ.

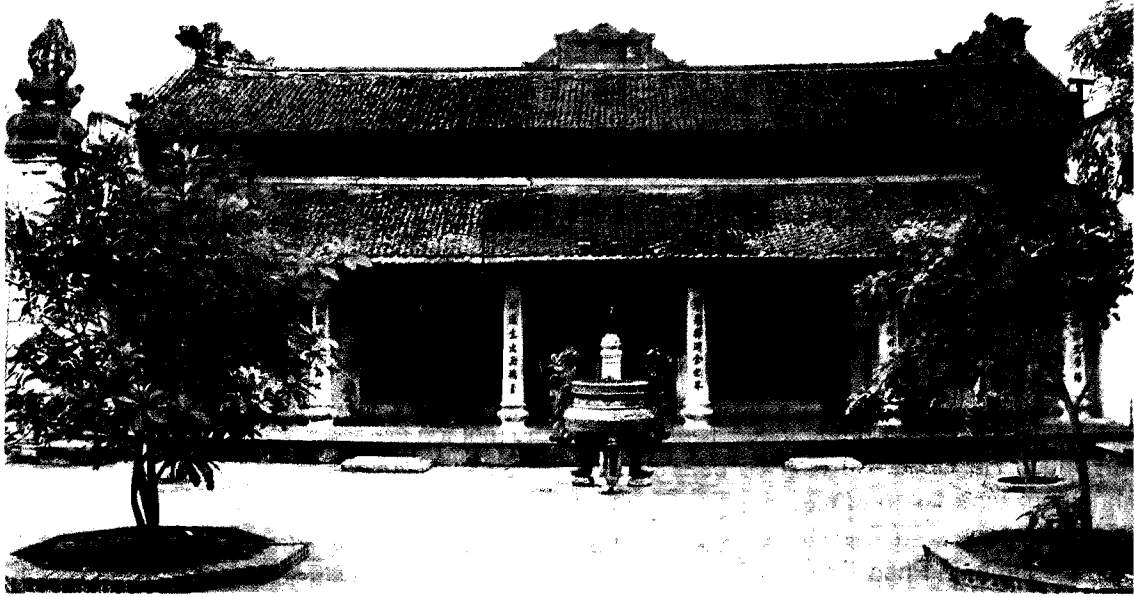
Thật ra, lịch sử Đạo giáo Việt không hoàn

toàn rạch ròi giữa hai thời kỳ, bởi ngay ở thời kỳ sau, tuy đã xuất hiện Đạo giáo Việt, song không hẳn nó đã thay thế cho Đạo giáo chính thống có ở thời kỳ trước đó. Bằng chứng là các quán Đạo vẫn tồn tại và được sửa chữa khá nhiều như chúng tôi đã nói trên. Tuy nhiên, có thể thấy sự xuất hiện của Đạo giáo Việt phần nào nói lên sự suy giảm đáng kể của Đạo giáo chính thống. Và, quan trọng hơn nữa, chính sự suy giảm đó đã dẫn đến sự biến đổi theo chiều hướng Phật hóa các quán Đạo ở thời kỳ thứ hai này, mà chúng tôi sẽ đề cập đến ở dưới đây. Vậy cũng có thể coi thế kỷ 16 là một thế kỷ bản lề chuyển hướng nội dung Đạo giáo theo chiều hướng bản địa hóa và Phật giáo hóa, tức là lớp áo Phật giáo đã phủ lên hầu hết các quán Đạo để ngày nay, dường như đã không còn thấy Đạo giáo như một tôn giáo độc lập.

Sự xuất hiện của các câu chuyện linh dị, tiên nhân trong các thư tịch cũ ở thời kỳ này trong *Linh Nam chí quái, Truyền kỳ mạn lục...* cho thấy khuynh hướng tu tiên trong Đạo giáo chính thống là khuynh hướng được ưa thích trong xã hội, nhất là với tầng lớp trí thức.

Như đã trình bày trên, từ giữa thế kỷ 16 sang thế kỷ 17, chúng ta đã thấy bắt đầu xuất hiện các câu chuyện liên quan đến việc thờ cúng Mẫu Liễu Hạnh và nhiều tiên nữ khác. Sự kiện này cho thấy, Đạo giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian, nhất là các đối tượng nữ giới. Sự xuất hiện của tiên ông Phạm Viên⁷⁰ và sự xuất hiện môn phái Nội Đạo với người sáng lập là Trần Toàn, nguyên là một người bỏ quan về làng tu tiên^{71, 72}. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyền trong *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam* nhận định, sự phát triển này là do "nhu cầu tinh thần của các thế hệ đã chịu đau khổ bởi cuộc đấu tranh kéo dài giữa nhà Mạc và nhà Lê"⁷³.

Anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo tức Đức Thánh Trần, cùng với Mẫu Liễu Hạnh được thờ cúng khắp nơi và trở thành hai nhân vật tối cao của Đạo giáo dân gian Việt Nam⁷⁴ và "hình thành thế đối ứng của Đạo giáo dân gian ở đồng bằng Bắc bộ..."⁷⁵. Hiện nay có một điện thờ Đức Thánh Trần và chư vị Thánh Mẫu được lập cuối thế kỷ 18 của một dòng họ vẫn còn tồn tại và hoạt động (cung cấp các đạo bùa trừ tà, trấn yểm...) ⁷⁶. Có thể nói, đến giai đoạn này Đạo giáo ở Việt Nam có sự thay đổi mạnh mẽ,



Lâm Dương quán, Hà Nội - Ảnh: Quốc Vụ

các yếu tố bản địa, các vị thần bản địa được đề cao hơn bao giờ hết.

Những biến đổi xã hội ở thế kỷ 17, 18 đã làm cho lòng tin vào Nho giáo ngày càng đi vào con đường bế tắc. Cuộc chiến tranh Trịnh- Nguyễn kéo dài đã làm cho lễ quân thần, phụ tử ngày càng suy vi. Ngô Thì Sĩ cho xây đền Tam giáo ở Lạng Sơn dù ông hết sức đề cao Nho giáo nhưng hình như ông thấy vẫn chưa đủ để có một xã hội yên bình và thịnh vượng⁷⁷. Điều rất thú vị là, trong lần đi thăm dã Lạng Sơn gần đây, chúng tôi đã chứng kiến một chân dung Ngô Thì Sĩ- Đạo sĩ rất rõ ở động Tam Thanh. Có thể nói, trong nghệ thuật Đạo giáo Việt, đây là bức chân dung phù điêu duy nhất ngoài những pho tượng của thần linh Đạo giáo ở các quán Đạo giáo. Ngô Thì Sĩ, thay vì mặc triều phục, đã được tạc theo hình của Đạo sĩ, mặc áo choàng phủ từ vai xuống chân, đang trong tư thế ngồi, tư cách Đạo sĩ rõ nhất là ở chiếc khăn đội đầu, rất giống tượng các vị Thánh ở chùa Keo, chùa Bối Khê, Chùa Thầy... Hay nhất chính là tên động Tam Thanh, tuy có thêm động Nhị Thanh và Nhất Thanh. Nhất Nhị Tam (Thanh) trong trường hợp

này không thể có nghĩa gì khác hơn là Tam Thanh trong triết lý Đạo giáo. Với điều kiện sẵn có, có thể Ngô Thì Sĩ đã chọn ba hang động là ba đạo tràng hay ba nơi ngự tọa của ba vị thần tối thượng của Đạo giáo một cách riêng rẽ, thay cho một điện thờ ở các quán Đạo vùng châu thổ mà ba vị ngồi chung với nhau. Sự có mặt của Tam Thanh ở Lạng Sơn cho thấy, Đạo giáo chính thống vẫn có vị trí trong đời sống tôn giáo, vẫn còn sức thu hút đối với người đương thời, ít nhất trong trường hợp này là Ngô Thì Sĩ. Không lạ là sau đó, con ông, Ngô Thì Nhậm đã tiếp tục truyền thống của cha, dù tự mệnh danh là đệ tử tổ Thiên phái Trúc Lâm, thì sự say mê Đạo giáo với những nguyên lý huyền bí và siêu hình của nó vẫn là một nội dung căn bản của cuốn sách *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* do ông viết.

Ở thế kỷ 18, 19 và thế kỷ 20 sau này, tục thờ cúng Thánh mẫu Liễu Hạnh ngày càng phát triển⁷⁸. Theo Nguyễn Văn Huyền, một trung tâm gần Hà Nội có tới 30.000 tín đồ⁷⁹. Vào thế kỷ 19, khi thấy Đạo giáo và các trò đồng bóng, bói toán phát triển quá mạnh mẽ, rồi việc sử dụng ma thuật ở các vùng nông thôn để chống lại

dịch bệnh vẫn là một cách thức khá phổ biến⁸⁰, triều Nguyễn đã có hành động để hạn chế các hoạt động này (mặc dù thời Thiệu Trị bà chúa Liễu Hạnh được phong là đệ nhất phúc thần). Trong Điều lệ hương đảng ban hành từ thời Gia Long có năm điều, nhưng có tới ba điều đả phá và cấm đoán các hoạt động lễ nghi tín ngưỡng có tính chất Đạo giáo, càng chứng tỏ lúc này Đạo giáo trong dân gian rất phổ biến⁸¹. Thế nhưng, có thể hiểu những điều khoản này dùng để cấm đoán dân gian tin theo Đạo giáo, có nghĩa là cấm đoán Đạo giáo dân gian. Còn ở triều đình thì có tình hình ngược lại, năm 1829 (Minh Mạng thứ 10) quán Linh Hựu được xây dựng ở kinh thành Huế, các pháp sư, Đạo sĩ được triều đình bổ nhiệm⁸².

Một bằng chứng rõ nét về sự sùng bái và thực hành Đạo giáo của các vua nhà Nguyễn vẫn còn tồn tại ngay trong hoàng thành của kinh đô Huế: tại vườn Cơ Hạ, ngay sát Tử Cấm thành, ta thấy một Bảo Quang Cốc hay còn có tên là Phúc Duyên Động như là nơi tu luyện của Đạo sĩ. Bảo Quang Cốc nhìn xa như một lò

gạch hình tròn, nằm bên hồ, được trở khá nhiều cửa, mỗi cửa đều có tên riêng: hai cửa phía Bắc có tên Phát Thiên Quang và Sơn Huy Xuyên Mị, cửa phía Nam có tên Tử Thất Huệ Môn, cửa phía Tây có tên Không Động, cửa phía Đông là Phúc Duyên Động. Những tên này được chạm trên những phiến đá hình chữ nhật. Những chữ đề tên cửa có ý nghĩa Đạo giáo kết hợp với Phật giáo khá rõ. Chỉ nội một Bảo Quang cốc cũng có thể khiến ta thấy Đạo giáo khá được lòng tầng lớp thống trị triều Nguyễn. Nhưng không chỉ có Bảo Quang Cốc, trong Hoàng thành còn một số công trình được xây dựng ở hồ Tịnh Tâm dưới thời Minh Mạng đã được đặt tên bằng những địa danh Đạo giáo: Cung Trường Ninh sau đổi thành cung Trường Sanh, lạch Đào Nguyên, đảo Bồng Lai, đảo Phương Trượng, đảo Doanh Châu⁸³. Những hòn đảo, núi, biển này là thế giới của thần tiên, "Không gió mà sóng cao trăm trượng, chẳng thể nào qua lại được. Chỉ có bậc phi tiên mới có thể đến chốn này mà thôi"⁸⁴.

Quán Linh Hựu ở kinh thành Huế được Đại



Ngũ điệu tinh quân, Lâm Dương quán, Hà Nội - Ảnh: Quốc Vụ

Nam nhất thống chí chép: “Ở phường Tân Thịnh về phía Bắc Ngự Hà trong kinh thành, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 10, giữa là điện Trùng Tiêu, phía tả là gác Từ Vân, phía hữu là gác Tường Quang, phía trước là cửa Tam Quan; lại mặt trước trông ra Ngự Hà dựng cửa linh tinh”⁸⁵. Quán Linh Hựu chiếm chỗ khá uy nghi. Vậy mà việc dựng quán Linh Hựu được vua Thiệu Trị cho là chẳng liên quan gì đến việc khôi phục Đạo giáo thời nhà Hán mà chỉ vì theo ý dân⁸⁶, vậy việc dựng Bảo Quang cốc ở trong Hoàng thành cũng là theo ý dân chẳng? Triều đình nhà Nguyễn và nông dân đều tin theo Đạo giáo nhưng vận dụng theo những cách khác nhau vì những mục đích khác nhau. Một bộ phận không nhỏ các nhà Nho ở thời kỳ này đã có nhận thức, đánh giá cao đạo Lão- Trang và như thế chắc hẳn cũng phần nào thừa nhận vai trò của Đạo giáo trong đời sống xã hội⁸⁷.

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 các hoạt động cầu cơ bút, phụng hỷ, phụng cơ được khá nhiều người hâm mộ. Đây cũng là một hình thái khác của Đạo giáo ở Việt Nam giai đoạn này^{88, 89}. Thiện đàn với nhân vật Mẫu Liễu Hạnh và các nhân vật Đạo giáo phương Bắc nảy nở khắp nơi. Theo thống kê chỉ ở các tỉnh thuộc châu thổ Bắc bộ còn biết tới 98 thiện đàn có in ấn và lưu truyền thơ văn giáng bút⁹⁰. Hoạt động ở các thiện đàn và cầu cơ bút, phụng hỷ, phụng cơ có nhiều nội dung nhằm tuyên truyền tinh thần yêu nước, kêu gọi nhân dân đứng dậy đánh Pháp đuổi ngoại xâm. Đạo giáo đã “mượn” nhiều nhân vật lịch sử nổi tiếng của dân tộc vào các buổi cầu cơ bút^{91, 92, 93}. Đạo giáo đã phần nào phát huy những yếu tố tích cực của nó trong thời điểm mà các hệ tư tưởng khác trở nên bất lực trước thời cuộc. Một số cuộc khởi nghĩa đã nổ ra mà phương thức hoạt động của Đạo giáo đã được những người khởi nghĩa sử dụng (ví dụ đeo bùa khi ra trận).

Tựu chung lại có thể nói, từ khi du nhập vào đất Việt cho tới nay Đạo giáo vẫn có ảnh hưởng ở nhiều mức độ khác nhau tới mọi tầng lớp trong xã hội và những ảnh hưởng này được biểu hiện dưới nhiều sắc thái cực kỳ phức tạp khiến người ta khó có thể tìm được nguồn gốc của nó./

N.T.H

Chú Thích:

- 49- Trần Anh Đào (1999), *Tin ngưỡng Huyền Thiên Chân Vũ qua một số quán thờ ở Hà Nội*, Tài liệu viết tay, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 50- Nguyễn Tài Cẩn (1971), “Về một số ván in đầu thời Lê Sơ (1434 - 1443) vừa phát hiện ở Linh Tiên quán”, *KCH*, (11- 12), tr. 123-138.
- 51- Nguyễn Tài Cẩn (1971), “Về một số ván in đầu thời Lê Sơ (1434 - 1443) vừa phát hiện ở Linh Tiên quán”, *KCH*, (11- 12), tr. 128.
- 52- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 393; Xem thêm: Trần Quốc Vương (2000), *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, tr. 788- 790.
- 53- Hà Văn Tấn (1986), “Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam: Thiên, Tịnh, Mật”, *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết học, Hà Nội, tr. 202.
- 54- Quốc Triều Hình Luật, *Luật hình triều Lê, Luật Hồng Đức* (1995), Bd., Nxb. Chính trị Quốc gia.
- 55- Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 464.
- 56- Quốc Triều Hình Luật, *Luật hình triều Lê, Luật Hồng Đức* (1995), Bd., Nxb. Chính trị Quốc gia.
- 57- Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 464; Xem thêm: Nguyễn Khắc Thuần (2001), “Mãi mãi còn đây... Vọng Tiên Lâu”, *Nghĩ về Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 106- 111.
- 58- Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 348.
- 59- Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 347.
- 60- Nguyễn Thế Hùng, Đinh Khắc Thuần (2001), “Vài nét về quán Đạo ở Việt Nam trong lịch sử”, *KCH*, (2), tr.92 - 100.
- 61- Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (1992), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 594.
- 62- Đinh Khắc Thuần (1996), *Văn bia thời Mạc*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 131.
- 63- Đinh Khắc Thuần (1996), *Văn bia thời Mạc*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 113.
- 64- Đinh Khắc Thuần (1996), *Văn bia thời Mạc*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 113.
- 65- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., III, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 83.
- 66- Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (1992), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 684- 685.

- 67- Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (1992), *Văn khố Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 616- 617.
- 68- Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, Bd., I, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 219- 220.
- 69- Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (1992), *Văn khố Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 607.
- 70- Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quang Ngọc (1995), *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV-XIX*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr. 180; Xem thêm: Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 135.
- 71, 72- Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội; Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội.
- 73- Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 246.
- 74- Trần Quốc Vượng (2001), "Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Giày: Tháng Tám giỗ cha tháng Ba giỗ Mẹ", Bài tham luận tại *Hội thảo tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Giày* do Viện Nghiên cứu VHDG tổ chức tại Hà Nội.
- 75- Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, tr. 888.
- 76- Nguyễn Công Việt (1998), "Vài nét về phù ấn của Đạo giáo Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII qua số ấn gỗ mới phát hiện", *Tạp chí Hán Nôm*, (4), tr. 42- 47.
- 77- Hoàng Giáp (1993), "Ngô Thì Sĩ và đền Tam giáo ở Lạng Sơn", *Tạp chí Dân tộc học*, (1), tr. 44- 46.
- 78- Ngô Đức Thịnh (1996), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- 79- Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 246.
- 80- Cadlière, L. (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Bd., Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- 81- Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 465.
- 82- Thần kinh nhị thập cảnh, *Thơ văn vua Thiệu Trị* (2000), Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 187.
- 83- Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Bd., I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 225, 232, 309.
- 84- Lao Tử- Thịnh Lê (chủ biên) (2001) *Từ điển Nho Phật Đạo*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- 85- Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, Bd., I, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- 86- Thần kinh nhị thập cảnh, *Thơ văn vua Thiệu Trị* (2000), Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 183- 184.
- 87- Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 472.
- 88, 89- Nguyễn Xuân Diện (2000), *Khảo cứu bước đầu về Thiện Đàn và Giáng Bút*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hà Nội; Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 135- 250; Phan Ngọc (2001), "Hiện tượng giáng bút ở Việt Nam", Bài tham luận tại *Hội thảo tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Giày* do Viện Nghiên cứu VHDG tổ chức tại Hà Nội.
- 90- Nguyễn Xuân Diện (2000), *Khảo cứu bước đầu về Thiện Đàn và Giáng Bút*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hà Nội.
- 91, 92, 93- Nguyễn Xuân Diện (2000), *Khảo cứu bước đầu về Thiện Đàn và Giáng Bút*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hà Nội; Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội; Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, II, Nxb. KHXH, Hà Nội.

NGUYỄN THẾ HÙNG: A BRIEF ON TAOISM AND ITS SHRINES IN VIETNAM (CONTINUED)

The ideology crisis in XVI century was seen as a background to develop new style Taoist shrines under Mac dynasty. However, the author also informs that folk Taoism and its shrines had no clear difference with mainstream Taoism. From this viewpoint, the author discusses on the up and down of Vietnamese Taoism in later periods.